

Bản án số: 669/2018/DS-ST

Ngày: 26/6/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Vân Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1419/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 128/2018/QĐST-HPT ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: đường D, phường L, quận H, Tp. Hà Nội.

Chi nhánh: đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn D - là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 14535/2018/UQ-VPB ngày 20/6/2018.

(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Duy T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: đường B, Phường N, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường C, Phường M, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng và ông Đỗ Duy T có ký 02 hợp đồng tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/5/2015, giải ngân ngày 21/5/2015: Căn cứ theo đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ký ngày 13/5/2015 thì Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 90.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 27%/năm. Kể từ ngày vay vốn thì ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 07 lần với số tiền 23.550.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.447.087 đồng, nợ lãi là 10.102.913 đồng. Sau khi thanh toán thì hiện ông T còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 26/6/2018 là 157.700.393 đồng, trong đó nợ gốc là 76.552.913 đồng, nợ lãi là 81.147.480 đồng.

- Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 13/5/2015, ngày mở thẻ 20/5/2015, Ông T đã rút chi tiêu với số tiền 18.000.000 đồng và thanh toán lại được 10.825.000 đồng. Từ ngày 01/01/2016 đến nay ông T không thanh toán nữa, vì vậy thẻ đã chuyển quá hạn từ ngày 01/01/2016 và Ngân hàng đã đóng thẻ của ông T từ ngày 20/3/2016. Tạm tính đến ngày 26/6/2018 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 20.057.680 đồng, trong đó nợ gốc là 8.581.229 đồng, nợ lãi là 11.476.451 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Ngân hàng có yêu cầu buộc ông T phải trả ngay tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2018 là 177.758.073 đồng, trong đó: Nợ gốc là 85.134.142 đồng, Nợ lãi là 92.623.931 đồng.

Đồng thời, ông T tiếp tục phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng.

Việc ký 02 hợp đồng nêu trên là quan hệ hợp đồng giữa Ngân hàng và cá nhân ông T. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ nêu trên.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 177.758.073 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông T trình bày: Ông xác nhận những trình bày của Ngân hàng là đúng, hiện ông còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/6/2018 là 177.758.073 đồng. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ một lần cho Ngân hàng, ông đề nghị mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và các bản tóm tắt sao kê đã xác định ông T đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông T hiện có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Quận 3 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Về tố tụng:

Xét bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng thì giữa ông T và Ngân hàng có ký 02 hợp đồng mà bên vay là ông T và bên cho vay là Ngân hàng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/5/2015, giải ngân ngày 21/5/2015 theo đó Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 90.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 27%/năm và hợp đồng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2015, ngày mở thẻ là ngày 20/5/2015, hạn mức 10.000.000 đồng.

Xét thấy, để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ Ngân hàng đã cung cấp các hợp đồng tín dụng có chữ ký của hai bên, các tóm tắt sao kê, bảng chi tiết tính lãi và căn cứ xác nhận của ông T tại phiên tòa hôm nay đã có đủ cơ sở để xác định số nợ của ông T tạm tính đến ngày 26/6/2018 như sau:

- Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/5/2015, giải ngân ngày 21/5/2015 số tiền 157.700.393 đồng, trong đó nợ gốc là 76.552.913 đồng, nợ lãi là 81.147.480 đồng .

- Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 13/5/2015, ngày mở thẻ 20/5/2015 số tiền 20.057.680 đồng, trong đó nợ gốc là 8.581.229 đồng, nợ lãi là 11.476.451 đồng.

Tổng cộng 177.758.073 đồng, trong đó nợ gốc 85.134.142 đồng, nợ lãi là 92.623.931 đồng.

Căn cứ điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ thì tại Điều 5 quy định “... Các bên thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng A có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của khách hàng mà không cần chờ đến khi kết thúc thời hạn vay nêu tại thông báo cho vay...”, tại Điều 9 “...Các khoản nợ gốc, nợ lãi của khách hàng sẽ là nợ quá hạn khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo lịch trả nợ...”

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”

Xét, việc ký hợp đồng về việc cho vay là sự tự nguyện thỏa thuận và quyền của các bên, do đó, việc ông T đã vi phạm nghĩa vụ, không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết trong các hợp đồng nêu trên, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhưng phía bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm điều khoản hợp đồng đã ký kết. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện ông T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đối với 02 hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 26/6/2018 là 177.758.073 đồng, trong đó nợ gốc 85.134.142 đồng, nợ lãi là 92.623.931 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

Ngoài ra, ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho từng hợp đồng kể từ ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 13/5/2015, giải ngân ngày 21/5/2015 và hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 13/5/2015, mở thẻ ngày 20/5/2015 giữa Ngân hàng TMCP A và ông Đỗ Duy T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Buộc ông Đỗ Duy T phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/6/2018 như sau:

- Hợp đồng tín dụng ký ngày 13/5/2015 số tiền là 157.700.393 đồng, trong đó nợ gốc là 76.552.913 đồng, nợ lãi là 81.147.480 đồng .

- Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 13/5/2015 số tiền là 20.057.680 đồng, trong đó nợ gốc là 8.581.229 đồng, nợ lãi là 11.476.451 đồng.

Tổng cộng ông Đỗ Duy T phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 177.758.073 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn không trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 85.134.142 đồng (tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư ngàn một trăm bốn mươi hai đồng), nợ lãi 92.623.931 đồng (chín mươi hai triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn chín trăm ba mươi một đồng). Thực hiện trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Duy T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho từng hợp đồng kể từ ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 13/5/2015, giải ngân ngày 21/5/2015 và hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 13/5/2015, mở thẻ ngày 20/5/2015 giữa Ngân hàng TMCP A và ông Đỗ Duy T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Duy T phải chịu là 8.887.904 đồng (tám triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.646.459 đồng (ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0019700 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A và ông Đỗ Duy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tình Duyên